

Bản án số: 38/2024/DS-PT

Ngày: 20/02/2024

V/v: “*Tranh chấp về thừa kế tài sản*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Lê Tự

Các Thẩm phán: ông Đặng Kim Nhân

ông Nguyễn Cường

- Thư ký phiên tòa: bà Đặng Ngọc Gia Linh, Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: ông Đoàn Ngọc Thanh, Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 02 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 340/2023/TLPT-DS ngày 18 tháng 12 năm 2023 về việc “*Tranh chấp về thừa kế tài sản*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 22/2023/DS-ST ngày 13 tháng 10 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế bị kháng cáo.

Giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: bà Nguyễn Thị C, sinh năm 1943.

Hộ khẩu thường trú: số 292 B đường C1, phường G, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế.

Chỗ ở: A, xã P1, huyện P2, tỉnh Thừa Thiên Huế.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: bà Phạm Thị X, sinh năm 1978; địa chỉ: số 86 đường H1, phường T1, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế.

- Bị đơn: ông Nguyễn Văn P, sinh năm 1974; địa chỉ: số 292 B đường C1, phường G, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Nguyễn Thị Th1, sinh năm 1966; địa chỉ: số 137/3 đường N, phường X1, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế.

2. Bà Nguyễn Thị Bích V, sinh năm 1977; địa chỉ: số 15/1 đường Nguyễn Du, phường G, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế.

3. Ông Nguyễn Văn V1, sinh năm 1981; địa chỉ: A, xã P1, huyện P2, tỉnh Thừa Thiên Huế.

4. Anh Nguyễn Duy H2, sinh năm 1995; địa chỉ: phường T2, quận T3, thành phố Hồ Chí Minh.

5. Anh Nguyễn Duy Q1, sinh năm 2005; địa chỉ: phường T2, quận T3, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của anh H2 và anh Q1: bà Phạm Thị X, sinh năm 1978; địa chỉ: số 86 đường H1, phường T1, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế.

6. Bà Trần Thị Kim L1, sinh năm 1978; địa chỉ: số 292 B đường C1, phường G, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế.

7. Chị Nguyễn Thị Tường U, sinh năm 1998; địa chỉ: số 292 B đường C1, phường G, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế.

Người kháng cáo: bị đơn ông Nguyễn Văn P, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị Kim L1

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 13 tháng 5 năm 2022 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa của nguyên đơn là bà Nguyễn Thị C, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Phạm Thị X trình bày:

Bà Nguyễn Thị C và ông Nguyễn Văn Đ1 là vợ chồng hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng bà C có tạo lập được khối tài sản chung là: Nhà đất thuộc thửa số 33, tờ bản đồ số 20, tọa lạc tại số 292B đường C1, phường G, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế với diện tích 321,9 m² (200 m² đất ở; 121,9 m² đất nông nghiệp) đã được UBND thành phố H cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên ông Nguyễn Văn Đ1 và bà Nguyễn Thị C vào ngày 25/8/2008. Ông Nguyễn Văn Đ1 chết năm 2017, trước khi chết ông Đ1 không để lại di chúc nên di sản thừa kế được chia theo pháp luật.

Bà Nguyễn Thị C và ông Nguyễn Văn Đ1 có 06 người con chung: Nguyễn Văn Q2, sinh năm 1966, Nguyễn Thị Th1, sinh năm 1966; Nguyễn Văn P1, sinh năm 1971 chết năm 2021 (ông P1 có vợ là bà Hồ Thị C tức Hồ Mai L2 nhưng đã ly hôn từ năm 2014, ông P1 và bà L2 có với nhau 02 người con chung là Nguyễn Duy H2, Nguyễn Duy Q1); Nguyễn Văn P, sinh năm 1974; Nguyễn Thị Bích V, sinh năm 1977 và Nguyễn Văn V1, sinh năm 1981. Tuy nhiên, ông Nguyễn Văn Q2 có văn bản từ chối nhận di sản nên xác định hàng thừa kế thứ nhất của ông Nguyễn Văn Đ1 gồm 06 người. Theo bản vẽ hiện trạng nhà đất của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai thành phố H đo vẽ ngày 13/8/2022 thì

thửa đất đang tranh chấp có diện tích là 291,5 m². Hiện tại vợ chồng ông Nguyễn Văn P, bà Trần Thị Kim L1 đang ở trên nhà đất tranh chấp. Do đó, bà Nguyễn Thị C yêu cầu Tòa án chia di sản thừa kế theo pháp luật của ông Nguyễn Văn Đ1 với diện tích đất theo kết quả đo đạc là 145,75 m² có giá trị 2.915.000.000 đồng, diện tích nhà 52,3 m² có giá trị 125.271.575 đồng. Tổng công nhà và đất có giá trị 3.040.271.575 đồng (diện tích đất và nhà thống nhất chia theo bản vẽ do Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố H đo vẽ ngày 13/8/2022). Bà Nguyễn Thị C yêu cầu chia cho bà được hưởng một suất thừa kế của ông Nguyễn Văn Đ1 và giao toàn bộ hiện vật nhà đất nêu trên cho bà Nguyễn Thị C được quyền sử dụng và sở hữu, còn bà Nguyễn Thị C sẽ giao lại giá trị bằng tiền cho các đồng thừa kế.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 07 tháng 7 năm 2022 cũng như các biên bản hòa giải và tại phiên tòa, bị đơn ông Nguyễn Văn P trình bày:

Ông không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Tuy nhiên, nếu Tòa án chia thừa kế theo quy định của pháp luật thì phía bị đơn thống nhất về nguồn gốc đất tranh chấp, thống nhất hàng thừa kế chia cho 06 hàng thừa kế như nguyên đơn cũng như người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày. Tại phiên tòa sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố H, ông đồng ý với yêu cầu khởi kiện chia thừa kế của nguyên đơn. Ông Nguyễn Văn P đồng ý chia diện tích nhà đất theo bản vẽ hiện trạng nhà đất do Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố H lập ngày 13/8/2022 và chia theo giá thị trường có giá đất là 20.000.000 đồng/m², giá trị nhà là 3.685.000 đồng/m². Phía bị đơn yêu cầu được nhận một kỷ phần thừa kế tương đương với hiện vật mà mình được nhận, đồng thời ông Nguyễn Văn P có nguyện vọng được Tòa án chia hiện vật với diện tích đất là 50 m² để phía bị đơn đi tách thửa và xây dựng nhà ở vì ngoài chỗ ở này bị đơn không có chỗ ở nào khác. Phần diện tích ông được nhận nhiều hơn so với các đồng thừa kế khác thì ông sẽ thanh toán lại giá trị bằng tiền. Quá trình ở trên nhà đất tranh chấp vợ chồng ông có bỏ tiền ra để sửa chữa nhà nhưng ông không yêu cầu Tòa án giải quyết về vấn đề này. Tuy nhiên, ông đề nghị Hội đồng xét xử xem xét tính công sức do ông bảo quản giữ gìn di sản trong thời gian bà Nguyễn Thị C sang sinh sống tại nước Mỹ từ năm 2012 đến nay.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đứng về phía nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Th1, bà Nguyễn Thị Bích V, ông Nguyễn Văn V1, anh Nguyễn Duy H2 và Nguyễn Duy Q1, người đại diện theo ủy quyền của anh H2 và anh Q1 là bà Phạm Thị X trình bày: Thống nhất với ý kiến của bà Nguyễn Thị C. Những người này từ chối nhận di sản và đồng ý giao toàn bộ phần thừa kế của mình được hưởng cho bà Nguyễn Thị C toàn quyền quản lý, sử dụng.

Ông Nguyễn Văn Q2 trình bày:

Đối với yêu cầu chia di sản thừa kế của bà Nguyễn Thị C thì ông đã có văn bản từ chối nhận di sản thừa kế của ông Nguyễn Văn Đ1, ông Q2 đi nước ngoài đã lâu, bản thân ông không muốn liên quan gì đến tài sản của gia đình nên đã làm văn bản từ chối nhận di sản gửi về cho gia đình ông. Nay được biết Tòa án giải quyết tranh chấp thì vụ việc này không còn liên quan gì đến ông Q2 và

ông đề nghị Tòa án không xác định ông là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đứng về phía bị đơn là bà Trần Thị Kim L1 và chị Nguyễn Thị Tường U trình bày: Thông nhất với ý kiến của bị đơn là ông Nguyễn Văn P.

Kết quả xác minh thu thập chứng cứ tại Ủy ban nhân dân phường G, thành phố H cung cấp như sau: Về nguồn gốc thửa đất đang tranh chấp thì theo Bản đồ 299 đo vẽ năm 1991 thuộc thửa đất số 1244, tờ bản đồ số 02, diện tích 200 m² thể hiện ông Nguyễn Văn Đ1 đăng ký. Theo Bản đồ 202 đo vẽ năm 1997 thuộc thửa đất số 33, tờ bản đồ 20 diện tích 321,9 m² thể hiện ông Nguyễn Văn Đ1 đăng ký.

Ngày 25/8/2008 ông, bà Nguyễn Văn Đ1 - Nguyễn Thị C được UBND thành phố H cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại thửa đất trên với diện tích 321,9 m² (trong đó, đất ở 200m², đất nông nghiệp 121,9 m²); nhưng bản vẽ hiện trạng nhà đất ngày 13/8/2022 của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai thành phố H thể hiện diện tích 291,5 m², có sự biến động giảm diện tích là do có sự chỉnh lý về diện tích phía Sông Hương.

Kết quả xác minh thu thập chứng cứ tại Phòng Quản lý đô thị thành phố H về việc quy hoạch và tách thửa như sau: Theo Quyết định số 597/QĐ-UBND ngày 19/3/2021 của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế về việc ban hành Quy định quản lý xây dựng theo đồ án Quy hoạch hai bờ sông Hương; diện tích phân lô tối thiểu là 100m² (không tính phần diện tích đất thuộc chỉ giới đường đỏ, chỉ giới đất sông, hồ và hành lang bảo vệ). Theo Quyết định số 49/2021/QĐ-UBND ngày 25/8/2021 của UBND tỉnh quy định về tách thửa đối với đất ở và đất nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế có hiệu lực từ ngày 05/9/2021, trong đó: Diện tích lô đất (phân lô khu ở mới): $\geq 100 \text{ m}^2$; Kích thước cạnh mặt tiền: $\geq 4,0\text{m}$; Kích thước cạnh tiếp giáp với cạnh mặt tiền (theo hướng vuông góc) $\geq 5,0\text{m}$.

Kết quả định giá tài sản ngày 22 tháng 7 năm 2022 của Hội đồng định giá và bản vẽ hiện trạng nhà đất do Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai lập ngày 13/8/2022 xác định: Nhà đất thuộc thửa đất số 33, tờ bản đồ số 20, tọa lạc tại số 292B C1, phường G, thành phố H với diện tích 291,5 m² gắn liền với ngôi nhà cấp 4 (01 tầng) có diện tích xây dựng là 104,6 m² có tổng giá trị là 3.040.271.575 đồng.

Quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn bà Nguyễn Thị C, bị đơn ông Nguyễn Văn P và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đứng phía nguyên đơn, bị đơn, người đại diện theo ủy quyền của anh H2, anh Q1 thống nhất yêu cầu như sau:

Xác định di sản thừa kế của ông Nguyễn Văn Đ1 là $\frac{1}{2}$ ngôi nhà cấp 4 (01 tầng) có diện tích xây dựng là 52,3 m² có giá trị là 125.271.575 đồng và $\frac{1}{2}$ diện tích thửa đất là 145,75 m² có giá trị 2.915.000.000 đồng thuộc thửa đất số 33, tờ bản đồ 20 tọa lạc tại số 292 B C1, phường G, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế có tổng giá trị 3.040.271.575 đồng (diện tích đất và nhà thống nhất chia theo bản vẽ do Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố H đo vẽ ngày 13/8/2022).

Di sản thừa kế hiện nay do vợ chồng ông Nguyễn Văn P và bà Trần Thị Kim L1 đang quản lý, sử dụng. Xác định hàng thừa kế thứ nhất của ông Nguyễn Văn Đ1 gồm 06 người là các ông, bà: Nguyễn Thị C, Nguyễn Thị Th1; Nguyễn Văn P1; Nguyễn Văn P; Nguyễn Thị Bích V và Nguyễn Văn V1. Ông Nguyễn Văn P1 chết năm 2021, nên những người thừa kế của ông P1 gồm mẹ là bà Nguyễn Thị C và các con là Nguyễn Duy H2, Nguyễn Duy Q1 được đồng sở hữu một kỷ phần thừa kế của ông P1; ông Nguyễn Văn P1 có vợ là bà Hồ Thị C tức Hồ Mai L2 nhưng đã ly hôn từ năm 2014 nên không được hưởng thừa kế của ông Nguyễn Văn P1.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 22/2023/DS-ST ngày 13 tháng 10 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế quyết định:

Căn cứ khoản 5 Điều 26; các Điều 37; Điều 41, Điều 147, Điều 164, Điều 165, 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Áp dụng các Điều 611, 612, Điều 613, Điều 620, 623, Điều 649, Điều 650, Điều 651, Điều 660 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều của 33 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 100, Điều 167 của Luật Đất đai năm 2013; điểm đ khoản 1, khoản 3 Điều 12, Điều 13, khoản 7 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; tuyên xử:

1. Chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị C.
2. Xác định thời điểm mở thừa kế của ông Nguyễn Văn Đ1 là ngày 22/6/2017.
3. Xác định di sản thừa kế của ông Nguyễn Văn Đ1 là $\frac{1}{2}$ ngôi nhà cấp 4 (01 tầng) kết cấu tường bờ lô, mái ngói, nền gạch, xi măng có $\frac{1}{2}$ diện tích xây dựng $52,3 \text{ m}^2$ và $\frac{1}{2}$ diện tích đất là 145.75 m^2 , thuộc thửa đất số 33, tờ bản đồ số 20, tọa lạc tại số 292B đường C1, phường G, thành phố H đã được UBND thành phố H cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên ông Nguyễn Văn Đ1 và bà Nguyễn Thị C vào ngày 25/8/2008, có tổng giá trị nhà và đất là 3.040.271.575 đồng (Ba tỷ không trăm bốn mươi triệu hai trăm bảy mươi một ngàn năm trăm bảy mươi lăm đồng).
4. Xác định hàng thừa kế thứ nhất của ông Nguyễn Văn Đ1 gồm 06 người là các ông, bà: Nguyễn Thị C, Nguyễn Thị Th1; Nguyễn Văn P1; Nguyễn Văn P; Nguyễn Thị Bích V và Nguyễn Văn V1.

Ông Nguyễn Văn P1 chết năm 2021, nên những người thừa kế của ông P1 gồm bà Nguyễn Thị C, các con là Nguyễn Duy H2, Nguyễn Duy Q1 được đồng sở hữu một kỷ phần thừa kế của ông P1.

5. P1 thực chia di sản thừa kế được xác định như sau:
 - $\frac{1}{2}$ ngôi nhà cấp 4 (01 tầng) kết cấu tường bờ lô, mái ngói, nền gạch, xi măng có $\frac{1}{2}$ diện tích xây dựng $52,3 \text{ m}^2$ và $\frac{1}{2}$ diện tích đất là 145.75 m^2 thuộc thửa đất số 33, tờ bản đồ số 20, tọa lạc tại số 292B đường C1, phường G, thành

phố H đã được UBND thành phố H cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên ông Nguyễn Văn Đ1 và bà Nguyễn Thị C vào ngày 25/8/2008, có tổng giá trị nhà và đất là 3.040.271.575 đồng; 06 kỷ phần thừa kế = 506.711.929 đồng. Mỗi kỷ phần thừa kế được chia có giá trị 506.711.929 đồng. Các ông, bà Nguyễn Thị Th1; Nguyễn Thị Bích V; Nguyễn Văn V1; các anh Nguyễn Duy H2, Nguyễn Duy Q1 tự nguyện giao toàn bộ kỷ phần của các ông, bà, các anh được hưởng cho bà Nguyễn Thị C được quyền sử dụng và sở hữu, nên bà C được hưởng giá trị thừa kế tổng cộng là 2.533.559.645 đồng. Giao toàn bộ hiện vật là nhà, đất thuộc thửa số 33, tờ bản đồ số 20, tọa lạc tại số 292B đường C1, phường G, thành phố H, đã được Ủy ban nhân dân thành phố H cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên ông Nguyễn Văn Đ1 và bà Nguyễn Thị C vào ngày 25/8/2008, cho bà Nguyễn Thị C được quyền sở hữu và sử dụng (có bản vẽ kèm theo).

Bà Nguyễn Thị C phải giao giá trị bằng tiền cho ông Nguyễn Văn P theo kỷ phần ông P được hưởng là 506.711.929 đồng (Năm trăm linh sáu triệu bảy trăm mười một nghìn chín trăm hai mươi chín đồng). Thời hạn giao tiền là kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Bà Nguyễn Thị C có quyền liên hệ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền để chuyển đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

Gia đình ông Nguyễn Văn P có quyền lưu cư trong thời hạn 06 (sáu) tháng kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, chi phí tố tụng và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Kháng cáo

Ngày 24 -10-2023, bị đơn ông Nguyễn Văn P và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị Kim L1 kháng cáo đối với bản án sơ thẩm, yêu cầu chia thừa kế bằng hiện vật với diện tích 50m²; ông P, bà L1 sẽ thối trả chênh lệch.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Người kháng cáo giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng:

Do kỷ phần thừa kế của ông P không đủ diện tích để tách thừa theo qui định của địa phương nên không chấp nhận kháng cáo yêu cầu chia thừa kế bằng hiện vật. Tuy nhiên, ông P có công sức trong việc giữ gìn, bảo quản di sản từ năm 2012 đến nay, đề nghị trích công sức cho ông P tương đương một kỷ phần thừa kế. Như vậy, di sản thừa kế chia thành 07 phần, bà C được nhận 05 phần, ông P được nhận 02 phần. Giao toàn bộ ngôi nhà, đất cho bà C được quyền sở hữu, sử dụng và bà C thối trả giá trị cho ông P. Tại đơn kháng cáo, ông P có đề nghị miễn án phí, vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử xét miễn án phí dân sự sơ thẩm và phúc thẩm cho ông P.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Ông Đ1 và bà C có 06 người con chung gồm: Nguyễn Thị Th1, Nguyễn Văn Q2, Nguyễn Văn P1, Nguyễn Văn P, Nguyễn Thị Bích V, Nguyễn Văn V1. Ông Đ1 chết năm 2017 không để lại di chúc.

[2] Tài sản chung do vợ chồng bà C và ông Đ1 tạo lập là nhà, đất thuộc thửa đất số 33, tờ bản đồ số 20, tọa lạc tại số 292B đường C1, phường G, thành phố H có diện tích 321,9 m² (đất ở 200 m², đất nông nghiệp 129,1 m²), được UBND thành phố H cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên ông Nguyễn Văn Đ1 và bà Nguyễn Thị C ngày 25/8/2008.

[3] Di sản thừa kế của ông Đ1 để lại được xác định là 1/2 giá trị nhà, đất trong khối tài sản chung với bà C là quyền sử dụng đất có diện tích 145,75m², quyền sở hữu nhà có diện tích 52,3m² có tổng giá trị là: 3.040.271.575 đồng. Ông Nguyễn Văn Q2 đã có văn bản từ chối nhận di sản thừa kế. Tòa án cấp sơ thẩm xác định những người thừa kế theo pháp luật của ông Đ1 còn 06 người, gồm: Nguyễn Thị C, Nguyễn Thị Th1, Nguyễn Văn P1, Nguyễn Văn P, Nguyễn Thị Bích V và Nguyễn Văn V1 là có căn cứ. Ông Nguyễn Văn P1 chết năm 2021, nên những người thừa kế của ông P1 gồm bà Nguyễn Thị C, các con là Nguyễn Duy H2, Nguyễn Duy Q1 được đồng sở hữu một kỷ phần thừa kế của ông P1.

[4] Ngoại trừ ông Nguyễn Văn P, các đồng thừa kế gồm các ông, bà Nguyễn Thị Th1, Nguyễn Thị Bích V, Nguyễn Văn V1, các anh Nguyễn Duy H2, Nguyễn Duy Q1 tự nguyện giao toàn bộ kỷ phần của các ông, bà, các anh được hưởng cho bà Nguyễn Thị C được quyền sử dụng và sở hữu. Như vậy, bà C được hưởng 05 kỷ phần thừa kế. Ông Nguyễn Văn P được hưởng 01 kỷ phần thừa kế, tương ứng quyền sở hữu nhà ở là 8,71 m² và quyền sử dụng đất là 24,29 m².

[5] Xét kháng cáo của ông P yêu cầu nhận thừa kế bằng hiện vật, thấy rằng:

Kỷ phần thừa kế của ông Nguyễn Văn P được hưởng tương ứng với diện tích đất là 24,29 m², diện tích nhà là 8,71 m². Theo văn bản của Phòng Quản lý đô thị thành phố H, thửa đất tại vị trí tranh chấp nằm trong diện quy hoạch hai bờ sông Hương, diện tích để tách thửa được phải lớn hơn hoặc bằng 100 m², theo Quyết định số 597/QĐ-UBND ngày 19/3/2021 của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế về việc ban hành Quy định quản lý xây dựng theo đồ án quy hoạch hai bờ sông Hương và Quyết định số 49/2021/QĐ-UBND ngày 25/8/2021 của UBND tỉnh quy định về tách thửa đối với đất ở và đất nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế có hiệu lực từ ngày 05/9/2021. Vì vậy, diện tích đất mà ông Nguyễn Văn P được chia thừa kế không đủ để làm thủ tục tách thửa, xây dựng nhà ở; bà C và các đồng thừa kế khác không đồng ý chia cho ông P thừa kế bằng hiện vật với diện tích 100m² nên Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu này của ông Nguyễn Văn P là có căn cứ, do đó không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của ông P yêu cầu chia thừa kế bằng hiện vật.

[6] Mặc dù đơn kháng cáo của ông P không có yêu cầu cụ thể về việc xem xét công sức đóng góp vào việc quản lý, tôn tạo di sản thừa kế nhưng trong quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm, ông P có yêu cầu xem xét công sức đóng góp vào việc giữ gìn, tôn tạo di sản. Xét bà C ở tại nhà đất nêu trên đến 2012 xuất cảnh sang Mỹ, vợ chồng ông P là người có công sức bảo quản, duy trì tài sản thừa kế từ năm 2012 đến nay. Do đó, cần xem xét công sức đóng góp của vợ chồng ông P trong việc giữ gìn và tôn tạo di sản, nên trích công sức cho ông P tương đương một kỷ phần thừa kế. Tòa án cấp sơ thẩm không áp dụng Án lệ số 05/2016/AL để xem xét công sức của ông P trong việc giữ gìn, tôn tạo di sản là không đúng.

[7] Vì vậy, di sản thừa kế được chia thành 07 kỷ phần, mỗi kỷ phần có giá trị: $3.040.271.575 \text{ đồng} / 7 = 434.324.510,7 \text{ đồng}$. Bà C được nhận 05 kỷ phần, tương ứng giá trị: $434.324.510,7 \text{ đồng} \times 5 = 2.171.622.553 \text{ đồng}$; ông P được nhận 01 kỷ phần và công sức giữ gìn, bảo quản di sản (một kỷ phần), tương ứng giá trị: $434.324.510,7 \text{ đồng} \times 2 = 868.649.022 \text{ đồng}$.

[8] Do các thừa kế khác gồm các ông, bà Nguyễn Thị Th1, Nguyễn Thị Bích V, Nguyễn Văn V1, các anh Nguyễn Duy H2, Nguyễn Duy Q1 tự nguyện giao toàn bộ kỷ phần của các ông, bà, các anh được hưởng cho bà Nguyễn Thị C được quyền sử dụng và sở hữu, nên giao toàn bộ di sản thừa kế cho bà C được quyền sở hữu, sử dụng; bà C bồi trả cho ông P: 868.649.022 đồng.

[9] Về án phí:

Bà Nguyễn Thị C được hưởng 1 kỷ phần thừa kế theo quy định của pháp luật tương ứng với số tiền 434.324.510,7 đồng. Bà C là người cao tuổi và có đơn đề nghị miễn án phí, theo Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, miễn án phí dân sự sơ thẩm cho bà C.

Đối với kỷ phần bà Nguyễn Thị Th1, bà Nguyễn Thị Bích V, ông Nguyễn Văn V1, anh Nguyễn Duy H2 và Nguyễn Duy Q1 tự nguyện nhường lại cho bà C được hưởng, căn cứ vào khoản 3 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, thì bà C vẫn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với những kỷ phần này (4 kỷ phần), tương ứng với số tiền là 1.737.298.042 đồng. Do vậy, bà C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm: $36.000.000 \text{ đồng} + (3\% \times 937.298.042 \text{ đồng}) = 64.118.941 \text{ đồng}$.

Ông Nguyễn Văn P có hoàn cảnh kinh tế gia đình khó khăn, mắc bệnh nặng (ông P phải chạy thận nhân tạo hằng tuần), có xác nhận của Ủy ban nhân dân phường G; tại đơn kháng cáo ông P có đề nghị nên Hội đồng xét xử xét miễn án phí dân sự sơ thẩm và phúc thẩm cho ông P.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Chấp nhận một phần kháng cáo của ông Nguyễn Văn P và bà Trần Thị Kim L1;

Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 22/2023/DS-ST ngày 13 tháng 10 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế.

1. Chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị C.

2. Xác định di sản thừa kế của ông Nguyễn Văn Đ1 là $\frac{1}{2}$ ngôi nhà cấp 4 (01 tầng) kết cấu tường bờ lô, mái ngói, nền gạch, xi măng có $\frac{1}{2}$ diện tích xây dựng $52,3 \text{ m}^2$ và $\frac{1}{2}$ diện tích đất là 145.75 m^2 , thuộc thửa đất số 33, tờ bản đồ số 20, tọa lạc tại số 292B đường C1, phường G, thành phố H đã được UBND thành phố H cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên ông Nguyễn Văn Đ1 và bà Nguyễn Thị C vào ngày 25/8/2008, có tổng giá trị nhà và đất là 3.040.271.575 đồng (*ba tỷ không trăm bốn mươi triệu hai trăm bảy mươi một ngàn năm trăm bảy mươi lăm đồng*).

3. Xác định hàng thừa kế thứ nhất của ông Nguyễn Văn Đ1 gồm 06 người là các ông, bà: Nguyễn Thị C, Nguyễn Thị Th1; Nguyễn Văn P1; Nguyễn Văn P; Nguyễn Thị Bích V và Nguyễn Văn V1.

Ông Nguyễn Văn P1 chết năm 2021, nên những người thừa kế của ông P1 gồm bà Nguyễn Thị C, các con là Nguyễn Duy H2, Nguyễn Duy Q1.

4. Chia di sản thừa kế như sau:

Giao toàn bộ hiện vật là nhà, đất thuộc thửa số 33, tờ bản đồ số 20, tọa lạc tại số 292B đường C1, phường G, thành phố H, đã được Ủy ban nhân dân thành phố H cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên ông Nguyễn Văn Đ1 và bà Nguyễn Thị C vào ngày 25/8/2008, cho bà Nguyễn Thị C được quyền sở hữu và sử dụng.

Bà Nguyễn Thị C phải thanh toán giá trị bằng tiền cho ông Nguyễn Văn P 01 kỷ phần ông P được hưởng và công sức bảo quản di sản là 868.649.022 đồng (*tám trăm sáu mươi tám triệu sáu trăm bốn mươi chín nghìn không trăm hai mươi hai đồng*). Thời hạn giao tiền kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Bà Nguyễn Thị C có quyền liên hệ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền để chuyển đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

Gia đình ông Nguyễn Văn P có quyền lưu cư trong thời hạn 06 (sáu) tháng kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

5. Án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Nguyễn Thị C phải nộp: 64.118.941 đồng.

Ông Nguyễn Văn P được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

6. Án phí dân sự phúc thẩm:

Miễn án phí dân sự phúc thẩm cho ông Nguyễn Văn P.

Hoàn trả cho ông P 300.000đ tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp tại biên lai số 0000054 ngày 20/11/2023 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Thừa Thiên Huế.

7. Về chi phí định giá: bà Nguyễn Thị C tự nguyện chịu toàn bộ chi phí định giá, đo đạc và đã nộp đủ tại Tòa án nhân dân thành phố H.

8. Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

9. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, được bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung Luật Thi hành án dân sự năm 2014, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung Luật Thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSNDCC tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Thừa Thiên Huế;
- Cục THADS tỉnh Thừa Thiên Huế;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HSVA, PHCTP, LT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Lê Tự